

Số: 3016/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC KHOÁNG SẢN T. TH. HUẾ

DẪN 163 Ngày 28/12/18
Chuyên

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty
trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế Công văn số 3269/BCĐCPH ngày 14 tháng 12 năm 2018; Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế về việc xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 để thực hiện cổ phần hoá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

1. Phê duyệt giá trị đơn vị tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế để thực hiện cổ phần hoá như sau:

- Giá trị thực tế của đơn vị: 275.394.937.636 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng).

- Nợ phải trả của đơn vị: 142.878.346.408 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ tám đồng).

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại đơn vị: 132.516.591.228 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, hai trăm hai mươi tám đồng).

2. Tổ chức tư vấn định giá là Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Dịch vụ về tài sản bất động sản DATC tại thành phố Huế chịu trách nhiệm về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Điều 2. Giá trị tài sản và nợ phải thu khó đòi không đưa vào giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017 để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tính theo giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán là 5.104.441.119 đồng, gồm:

1. Tài sản cố định:

- Tài sản không cần dùng là phương tiện vận tải: 1.302.483.355 đồng.

- Tài sản chờ thanh lý là máy móc thiết bị: 2.909.679.764 đồng.

(Có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

2. Công nợ không có khả năng thu hồi: 883.340.000 đồng.

(Có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

3. Tài sản cố định là Nhà cửa, vật kiến trúc tại địa chỉ số 53 đường Nguyễn Gia Thiều thành phố Huế mà Nhà nước thu hồi: 8.938.000 đồng.

(Có Phụ lục 03 chi tiết kèm theo)

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế

- Căn cứ vào giá trị thực tế doanh nghiệp được xác định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hóa.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng phương án cho Công ty thuê lại tài sản đã loại ra ghi tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam tài sản cố định

và công nợ phải thu khó đòi ghi tại khoản 1 và 2 Điều 2 Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm tiếp tục quản lý tài sản và nợ phải thu khó đòi loại ra khỏi giá trị đơn vị nêu tại Điều 2 Quyết định này cho đến khi bàn giao theo quy định hiện hành.

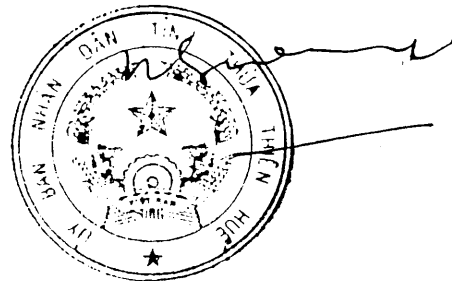
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, các Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Công thương, Giám đốc Công ty Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTDN;
- Bộ Tài chính;
- TVTU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cty Đầu tư và KD vốn Nhà nước;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, TH, DN.

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

Phụ lục 01



**TÀI SẢN CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
KHOANG SẢN THỪA THIÊN HUẾ KHÔNG CẦN DỪNG, CHỜ THANH LÝ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 3016 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách (đồng)		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản không cần dùng						
I	Phương tiện vận tải				3.607.668.080	2.305.184.725	1.302.483.355
1	Xe 08 chỗ Toyota Landcruise GX 4.5 Model FZJ100L - GNMNKV	chiếc	1	01/01/2001	815.407.000	815.407.000	0
2	Xe Chevrolet Captiva	chiếc	1	01/01/2008	539.315.625	539.315.625	0
3	Xe đưa đón công nhân THACO UNIVERSE HB120S, 47 chỗ	chiếc	1	29/02/2012	2.252.945.455	950.462.100	1.302.483.355
B	Tài sản chờ thanh lý						
I	Máy móc thiết bị				15.641.410.784	12.731.731.020	2.909.679.764
1	Trạm điện xưởng nghiền đá Dạ Lê đã di dời	ht	1	01/01/2003	134.467.000	134.467.000	0
2	Trạm biến áp 630KVA Huế đã di dời	ht	1	01/12/2003	350.000.000	350.000.000	0
3	03 bộ bơm cát Metso	ht	3	20/07/2008	804.540.000	804.540.000	0
4	Trạm biến áp mỏ Vinh Xuân đã di dời	ht	2	30/09/2008	1.919.505.941	1.919.505.941	0
5	Trạm biến áp mỏ Điện Hải đã tháo dỡ cất kho	ht	2	30/11/2008	2.295.190.082	2.295.190.082	0
6	Trạm biến áp Lộc Vĩnh (1 máy đang ở cột, 1 máy dời đang ở kho)	ht	2	16/04/2009	2.274.820.979	2.193.577.379	81.243.600
7	Trạm điện Điện Hải và Vinh Xuân giai đoạn 2 (dời từ trạm 630 KVA của Xưởng Huế và dời từ trạm 180KVA của Xưởng Dạ Lê).	ht	2	29/10/2009	632.524.545	632.524.545	0
8	Trạm điện Điện Hải và Vinh Xuân giai đoạn 3.	ht	2	25/01/2010	602.207.273	595.038.173	7.169.100
9	Trạm biến áp Quảng Lợi 1 (di dời từ Vxuan).	ht	1	01/09/2011	791.406.820	649.363.200	142.043.620
10	Trạm biến áp Phong Hải 11&12.	ht	2	25/10/2011	937.359.586	691.864.200	245.495.386
11	Trạm biến áp Quảng Lợi 2 (di dời từ trạm Phú Diên).	ht	1	01/01/2012	641.893.072	458.496.000	183.397.072
12	Trạm điện Quảng Lợi 3.	ht	1	07/01/2012	676.077.093	422.550.000	253.527.093

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách (đồng)		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
13	Nâng cấp Quảng Lợi 3; trạm biến áp và đường dây Q.Lợi 4&5 (di dời 2 trạm từ Phong Hải).	ht	2	12/06/2012	801.188.179	459.013.500	342.174.679
14	Trạm biến áp Vinh Xuân 6 (di dời 2 trạm Phong Hải), Trạm di dời 8.	ht	2	19/06/2013	966.834.076	345.297.000	621.537.076
15	Trạm biến áp Vinh Xuân 7 (di dời 1 trạm của Phong Hải).	ht	1	26/07/2013	260.628.892	89.978.300	170.650.592
16	Trạm biến áp Điện Hòa 1: 02 máy từ QL4, trạm di dời 11.	ht	2	01/06/2015	494.986.536	97.965.900	397.020.636
17	Trạm biến áp Điện Hòa 2, trạm di dời 12.	ht	2	01/06/2016	502.026.710	36.605.800	465.420.910
18	Máy tuyến điện (2 máy)	ht	2	01/01/1996	126.090.000	126.090.000	0
19	Máy tuyến từ, tuyến điện (02 tuyến từ, 01 tuyến điện)	ht	3	01/01/1999	289.301.000	289.301.000	0
20	Máy tuyến từ, tuyến điện (02 tuyến từ, 01 tuyến điện)	ht	3	01/01/2001	140.363.000	140.363.000	0
TỔNG CỘNG					19.249.078.864	15.036.915.745	4.212.163.119



Phụ lục 02

**CÔNG NỢ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THU HỒI CÔNG TY TNHH
NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 3016 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên khách nợ	Giá trị sổ sách (đồng)	
		Số tiền	Ghi chú
	<i>Phải thu</i>		
1	Doanh nghiệp tư nhân Trần Quang	883.340.000	

Phụ lục 03

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH LÃNH CỬA, VẬT KIẾN TRÚC TẠI 53 NGUYỄN GIA THIỀU, THÀNH PHỐ HUẾ
CỦA CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ NHÀ NƯỚC THU HỒI

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

(Theo Quyết định số 3046 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
I	NHÀ CỬA VẬT, KIẾN TRÚC:							
1	Nhà sản xuất chính xưởng Huế			0001	30/11/2004	956.484.545	956.484.545	0
1.1	Nhà sản xuất chính xưởng Huế (Xưởng tuyển từ + tuyển điện 1) khung cột thép tiền chế loại khung 01 nhịp thông, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột kèo là các cấu kiện tổ hợp sắt I có bề cao tiết diện kiểu vát liên kết bằng bulon, giằng kèo bằng sắt tròn đặc, xà gỗ, thanh chống đỉnh tường và dầm tường sắt C liên kết bulon và liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi cao 1,5m, phần trên bao che tôn sóng màu khung sắt C, cửa đi bằng cửa cuốn tôn, cửa sổ lật khung sắt kính, nền bê tông, mái dốc 2 mái lợp tôn sóng màu, đỉnh mái có kết cấu hờ tạo khe thoáng	m ²	1.073,60					
1.2	Mái che khu vực tuyển từ móng cột BTCT, cột gồm nhiều thanh sắt C ghép bằng liên kết hàn, vì kèo sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt C, nền xi măng, mái lợp tôn sóng màu	m ²	130					
2	Nhà bao che lò sấy quặng xưởng Huế (Nhà lò sấy) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột sắt ống tròn, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng khung sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt C, tường hai đầu hồi xây gạch quét vôi, tường hai bên xây gạch quét vôi cao 1,5m, trên bao che tôn khung sắt V, nền bê tông, mái tôn	m ²	321,7	0002	30/11/2004	241.618.727	241.618.727	0
7	Phần mở rộng nhà sản xuất Zircon nghiền mịn (Nhà tuyển điện mới) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, tường xây gạch cao 2,5m, trên bao che tôn khung sắt C, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	72	0010	15/12/2005	123.593.000	123.593.000	0
12	Nhà kho chứa nguyên liệu (một phần chuyển đổi thành gara xe con) - (Nhà kho 4 xưởng Huế, gian số 1 +2) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch quét vôi, nền bê tông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo sắt V, xà gỗ sắt C, mái lợp tôn sóng màu	m ²	68,1	0016	01/01/1999	253.654.000	253.654.000	0
13	Nhà kho 2000 Tấn (Nhà kho 1, kho In) (Huế) móng cột BTCT, móng tường BTCT, cột BTCT, vì kèo sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt C, tường xây gạch quét vôi, cửa đi khung sắt hộp, bao che sắt tấm, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	466,1	0017	01/01/1991	274.637.300	274.637.300	0
15	Kho chứa bán thành phẩm (chuyển đổi thành Nhà văn phòng xưởng Huế + Cơ khí) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch quét vôi, cửa khung sắt kính có ô thoáng, trên cửa có khung sắt kính, nền lát gạch hoa, xà gỗ gỗ, mái lợp tôn sóng màu, có máng xối BTCT	m ²	152	0019	01/01/1993	242.380.910	242.380.910	0
16	Xưởng tuyển đãi 475m ² (Xưởng Huế)	m ²		0020,	01/01/1993	173.730.540	173.730.540	0
17	Xưởng đặt bàn đãi nước (mở rộng) (Xưởng Huế)	m ²		0021	01/01/1999	192.415.200	192.415.200	0

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
17.1	Xường tuyến khoáng móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt V, tường xây gạch quét vôi, cửa sổ bằng các lam bê tông, nền bê tông, mái lợp tôn fibro xi măng	m ²	303,5					
17.2	Mái che khu vực tuyến khoáng móng cột BTCT, cột sắt ống tròn F100, vì kèo sắt hộp liên kết hàn, xà gỗ sắt hộp, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	35,8					
17.3	Trạm bơm tuyến khoáng móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây blo, xà gỗ sắt hộp, nền xi măng, mái lợp tôn sóng màu	m ²	23					
18	Nhà xưởng tuyến khoáng (Xưởng Nghiền mịn Zircon Huế) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột sắt I, kèo sắt I và sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi, trên bao che tôn khung sắt C, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	294	0022	01/08/2003	349.589.627	349.589.627	0
19	Trụ sở văn phòng Công ty 3 tầng, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch sơn silicat, cửa pano gỗ nhóm 2 kính có khung ngoại, nền lát gạch men granit, bậc cấp láng grinto, sàn mái BTCT, trên có mái tôn	m ²	702	0023	01/01/2002	1.417.450.000	1.417.450.000	0
20	Tường rào cổng ngõ trụ sở công ty	m ²	240	0024	01/01/2003	434.835.104	434.835.104	0
20.1	Trụ cổng xây gạch có dầm giằng BTCT, ốp đá granit 4 mặt trụ	m ³	2,413					
	Trụ cổng xây gạch có dầm giằng BTCT	m ³	2,413					
	Ốp đá granit 4 mặt trụ	m ²	16,52					
20.2	Bảng tên công ty xây gạch có dầm giằng BTCT, hai bên hông ốp đá granit, mặt trước ốp đá granit có gắn tên công ty, mái BTCT có dán ngói	m ³	4,4					
20.3	Cửa cổng khung sắt kiểu trượt trên ray	m ²	9					
20.4	Hàng rào mặt trước móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch ốp đá phiến, trên có khung sắt	m ²	114					
	Hàng rào xây gạch quét vôi có chừa khe thoáng cao 3m, trên có chông sắt 0,3m	m ²	128,7					
	Hàng rào xây gạch quét vôi cao 1,7m	m ²	40,8					
	Hàng rào xây gạch quét vôi cao 1,7m, trên có lưới sắt B40 khung sắt V cao 0,5m	m ²	39,6					
	Hàng rào xây gạch quét vôi cao 1,7m, trên có lưới sắt B40 khung sắt V cao 1, 2m	m ²	182,7					
	Hàng rào xây gạch	m ³	47,25					
	Hàng rào xây đá học	m ³	25,2					
	Phần trên hàng rào xây đá học khung sắt V lưới sắt B40	m ²	14,7					
	Hàng rào tường tôn khung sắt V	m ²	339,5					
	Hàng rào tường xây gạch cao 1m, trên có khung sắt V lưới sắt B40 cao 2m	m ²	282,3					
20.6	Trụ cổng phụ xây gạch, ốp gạch men 4 mặt trụ	m ³	0,768					
	Trụ cổng phụ xây gạch		0,768					
	Ốp gạch men 4 mặt trụ		7,68					
20.7	Cửa cổng khung sắt kiểu trượt trên ray	m ²	11					

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
21	Nhà hội trường 2 tầng (tầng 1 cao 3m, tầng 2 cao 8m) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch sơn silicat, cửa pano gỗ nhôm 2 kính có khung ngoại, cầu thang BTCT, bậc cấp cầu thang ốp đá granit, lan can cầu thang xây gạch sơn silicat, tay vịn cầu thang inox ống tròn, nền lát gạch men granit, sàn BTCT, mái lợp tôn, trần hội trường thạch cao khung chìm, trần hiên hội trường tấm nhựa	m ²	780	0025	21/06/2004	1.025.123.907	1.025.123.907	0
21.1	Gara xe con công ty móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch, cửa sắt xếp, nền láng xi măng, xà gỗ sắt hộp, mái lợp tôn	m ²	176,6	-				
21.2	Nhà để xe cột sắt ống tròn, vì kèo sắt ống tròn liên kết hàn, xà gỗ sắt hộp, nền xi măng, mái lợp tôn	m ²	182,7	-				
21.3	Nhà bóng bàn cột sắt ống tròn, vì kèo sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt hộp, tường bao che tôn phẳng, nền láng xi măng, mái lợp tôn	m ²	96,72	-				
22	Nhà ăn ca công ty móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch quét vôi, cửa khung nhôm kính, nền lát gạch men, xà gỗ sắt hộp, mái tôn sóng, trần tôn lạnh	m ²	105,3	0027	01/01/1992	69.472.180	69.472.180	0
23	Nhà xưởng sản xuất bột Zircon nghiền (Xưởng Huế):			0029	31/12/2003	1.607.979.412	1.607.979.412	0
23.1	Nhà tuyển điện, tuyển từ, lò sấy, tuyển nổi, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc và khung sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi, cửa đi loại cửa cuốn tôn có motor, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	482,2					
23.2	Nhà nghiền cao 9m, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc và khung sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi cao 6m, trên có bao che tôn khung sắt C, cửa đi loại cửa cuốn tôn có motor, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	139,8					
23.3	Kho thành phẩm Nhà tuyển điện, tuyển từ, lò sấy, tuyển nổi, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc và khung sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi, cửa đi loại cửa cuốn tôn có motor, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	200,4					
23.4	Trạm bơm móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch, xà gỗ sắt hộp, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	18					
23.5	Bể nước hồi lưu tuyển khoáng xây gạch có dầm giằng BTCT, ngăn thành 04 bể lắng, sâu 1,8m	m ³	20,25					
23.6	Bể lắng thành phẩm và thải tuyển nổi xây gạch có dầm giằng BTCT, ngăn thành 02 bể lắng, 01 bể sâu 1,8m, 01 bể sâu 1m	m ³	36,9					
23.7	Đường mương thoát nước xây gạch rộng 0,6m, sâu 0,5m	m	50					
	Đáy mương bê tông	m ³	6					
	Thành mương xây gạch	m ³	15					
	Nắp mương bê tông tấm đan	m ³	1,5					

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
23.8	Hàng rào phía sau xưởng móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch cao 3m, trên có chông sắt	m ²	75					
23.9	Hàng rào phía trước xưởng móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch cao 1,1m, trên có lưới sắt B40 cao 1,8m khung sắt V	m ²	27					
23.10	Sân bê tông chứa quặng	m ²	416					
25	Phòng kỹ thuật, phân tích (Huế) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch sơn silicat, cửa pano gỗ nhôm 2 kính có khung ngoại, nền lát gạch men granit, mái BTCT, trên có mái tôn, xà gỗ sắt hộp	m ²	148	0031	01/11/2003	331.855.727	331.855.727	0
26	Nhà xưởng sản xuất Zircon (Xưởng tuyến điện 2) (Huế) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc, xà gỗ sắt C, tường xây gạch quét vôi cao 1,5m, trên bao che tôn khung sắt C, nền bê tông, mái lợp tôn sóng	m ²	427,3	0032	05/05/2004	524.309.273	524.309.273	0
27	Bể chứa nước 20m ³ của xưởng nghiền mịn Zircon (Tháp chứa nước tuyến nổi) (Huế), đáy bể BTCT, thành bể xây gạch có dầm giằng BTCT	m ³	20	0033	05/05/2004	66.704.000	66.704.000	0
32	Xây dựng mở rộng Phòng thí nghiệm (Phòng xử lý và lưu mẫu - Xưởng Huế) móng xây gạch, tường xây gạch sơn silicat, cửa khung nhôm kính, nền lát gạch men granit, kết cấu đỡ mái sắt, mái lợp tôn, trần tôn	m ²	30	0207	11/05/2009	32.182.000	23.244.000	8.938.000
TỔNG CỘNG						8.318.015.452	8.309.077.452	8.938.000